



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty như sau:

- 1. Thời gian: 9 giờ 00 ngày 22 tháng 4 năm 2024 (thứ Hai)**
- 2. Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè (Lầu 2) - số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM.**
- 3. Nội dung:**
 - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2024.
 - Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán.
 - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.
 - Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.
 - Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.
 - Trình về tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024.
 - Trình xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2024.
 - Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
 - Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

Tài liệu họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: www.capnuocnhabe.vn kể từ ngày 28/3/2024.

4. Thành phần tham dự:

Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 18/3/2024.

Trường hợp Quý cổ đông không thể trực tiếp tham dự thì có thể ủy quyền cho người đại diện tham dự hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Thư mời hoặc theo quy định pháp luật dân sự. Trường hợp ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Quý Cổ đông vui lòng gửi Giấy ủy quyền đến văn phòng Công ty để hoàn tất thủ tục ủy quyền trước khi khai mạc cuộc họp.

5. Đăng ký tham dự:

Để công tác tổ chức được chu đáo, Quý Cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự/ủy quyền tham dự họp theo mẫu “Giấy xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024” gửi kèm Thư mời và gửi về văn phòng Công ty - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh hoặc gửi đến hộp thư điện tử nbw.tchc@gmail.com trước 17h00 ngày 17/4/2024.

Khi đến tham dự họp, Quý cổ đông/người được ủy quyền vui lòng mang theo Thư mời, Giấy xác nhận tham dự, CMND/CCCD hoặc hộ chiếu (bản chính), Giấy ủy quyền (bản chính, nếu là người được ủy quyền) để làm thủ tục đăng ký tham dự.

Thông báo này thay thế cho Thư mời gửi cho từng cổ đông trong trường hợp cổ đông không nhận được Thư mời qua đường bưu điện.

Nếu cần biết thêm thông tin về công tác tổ chức cuộc họp, Quý cổ đông liên hệ Phòng Tổ chức hành chính Công ty theo số điện thoại 1900 1210 (số nội bộ 103) hoặc ông Phạm Bá Hoan, điện thoại 0938 356 273.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Trọng Hiếu



**CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Thời gian	Nội dung
08h30' - 09h00'	Cổ đông đăng ký tham dự.
09h00' - 09h10'	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
09h10' - 09h20'	Thông qua Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu.
09h20' - 10h20'	Đại hội lần lượt xem xét thông qua các vấn đề sau: <ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.2. Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội và Chương trình làm việc của Đại hội.3. Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ và kế hoạch năm 2024.4. Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán.5. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.6. Báo cáo của Ban kiểm soát về công tác năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024.7. Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023.8. Tờ trình về tiền lương và mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024.9. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.10. Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024; trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.11. Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
	Bầu thành viên Hội đồng quản trị

Thời gian	Nội dung
10 ^h 20' - 10 ^h 35'	Nghỉ giải lao
10 ^h 35' - 10 ^h 50'	12. Công bố kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.
10 ^h 50' - 11 ^h 15'	13. Thông qua nghị quyết Đại hội. 14. Thông qua biên bản Đại hội. 15. Bế mạc Đại hội.



**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Họ và tên cổ đông:

Tên người đại diện (nếu là tổ chức):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: **ngày cấp:**

nơi cấp:

Địa chỉ

Hiện đang sở hữu: **cổ phần Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.**

Bằng chữ:

Tôi/chúng tôi xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè như sau: *(Đánh dấu chọn 01 trong 02 mục dưới đây)*

1) **Tôi trực tiếp tham dự**
(Nếu chọn mục 1 này, quý vị không cần thực hiện mục số 2 tiếp theo)

2) **Tôi ủy quyền cho:**
Ông/Bà

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: **ngày cấp:**

Nơi cấp:

Nội dung ủy quyền:

Bên được ủy quyền được đại diện cho bên ủy quyền thực hiện việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của của bên ủy quyền tại cuộc họp. Quyền biểu quyết được tính tương ứng với số cổ phần của bên ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị ngay khi phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè kết thúc hoặc được thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền gửi đến Chủ tọa cuộc họp trước giờ khai mạc cuộc họp theo quy định.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại nào về sau.

....., ngày tháng 4 năm 2024

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

XÁC NHẬN THAM DỰ /ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

GHI CHÚ:

- ✓ Người được ủy quyền không ủy quyền lại cho người khác trừ khi có sự chấp thuận của bên ủy quyền và khi đi dự họp phải mang theo CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu và Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông của người ủy quyền.
- ✓ Giấy xác nhận này, sau khi được điền đầy đủ thông tin tham dự hay ủy quyền tham dự họp và ký xác nhận, vui lòng gửi về: **Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè - Số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh trước 17h00 ngày 17/4/2024 hoặc scan gửi qua email: nbw.tchc@gmail.com.** Khi đến dự Đại hội vui lòng mang theo bản chính (nếu chưa gửi bản chính về Công ty).



Số: 0810/BC-CNNB-KHVTTH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Về kết quả sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Về mặt chủ trương, hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Cấp nước Nhà Bè năm 2023 được căn cứ và định hướng theo nội dung Nghị quyết số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023 của Hội đồng Quản trị và Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Về điều kiện thực tế, Công ty đã triển khai quyết liệt các giải pháp cụ thể, khả thi, hiệu quả để thực hiện hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh – tài chính đã đề ra trong năm 2023 và được ghi nhận cụ thể như sau:

B. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT-KINH DOANH-TÀI CHÍNH NĂM 2023:

1) Về kinh doanh nước sạch:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/KH (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	$3=2/1$
1. Sản lượng nước TT	Triệu m ³	72,500	72,669	100,23%
2. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	868,234	881,950	101,58%
<i>Tr/đó: DT Long An</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>12,820</i>	<i>13,492</i>	<i>105,24%</i>
3. TL thất thoát nước	%	13,50	12,24	-1,26%

- Tổng sản lượng tiêu thụ năm 2023 đạt 72,669 triệu m³, tăng 1,322 triệu m³ so với cùng kỳ năm 2022 và vượt kế hoạch đề ra (đạt 100,23%). Đây là kết quả từ các giải pháp gia tăng sản lượng mà Công ty đã triển khai từ đầu năm. Riêng lượng nước cung cấp tại các xã vùng hạ Huyện Cần Giuộc, Long An luôn ổn định và đạt trên 1,424 triệu m³.

- Về doanh thu tiền nước, doanh thu tiền nước tăng do sản lượng và giá bán bình quân đều tăng so với kế hoạch, doanh thu tiền nước thực hiện năm 2023 đạt 881,950 tỷ đồng đạt tỷ lệ 101,58% so với kế hoạch đề ra và tăng 35,973 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 (845,977 tỷ đồng). Thực hiện tốt công tác cấp mã định danh khách hàng, qua đó rà soát lại việc cấp định mức đúng với thực tế nên giá bán bình quân tăng. Cụ thể giá

bán bình quân năm 2023 là 12.136,49 đồng/ m³ tăng 326,49 đồng/ m³ so với cùng kỳ năm 2022 (11.810 đồng/ m³) và cao hơn 160,85 đồng/ m³ so với kế hoạch năm 2023 (11.975,64 đồng/ m³).

- Về công tác giảm thất thoát nước, tập trung thực hiện áp dụng công nghệ thông tin trong công tác giảm thất thoát nước, hoàn thiện công tác phân vùng tách mạng, tích cực chủ động dò tìm bể ngầm và điều phối áp lực các DMA hợp lý, quản lý phân công lộ trình dò tìm rò rỉ chặt chẽ. Kiểm tra thường xuyên các đồng hồ có sản lượng tiêu thụ bất thường, qua đó chủ động dò tìm phát hiện được số lượng điểm bể trong năm 2023 đã dò tìm phát hiện và sửa chữa 2.137 điểm bể (trong đó: 374 điểm bể ngầm, 1.763 điểm bể nổi). Đồng thời thực hiện theo dõi, giám sát liên tục hệ thống logger quan trắc trực tuyến chỉ số áp lực, lưu lượng... kịp thời phát hiện những bất thường, nhận định, phán đoán nguy cơ về thất thoát nước, do đó tỷ lệ thất thoát nước trong năm 2023 đạt 12,24% giảm 1,26% so với kế hoạch (13,5%) và giảm 0,5% (12,74%) so với cùng kỳ năm 2022. Trong năm 2023, công tác kiểm tra gian lận đã xử lý, truy thu 19 trường hợp với số tiền truy thu được 312.399.100 đồng, tương đương lượng nước là 21.064 m³.

2) Về công tác phát triển mạng lưới và chăm sóc khách hàng:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So sánh TH/KH (%)
A	B	1	2	3=2/1
1. Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	1.500	1.884	125,60%
2. Gắn mới ĐHN cỡ lớn	Cái	-	01	-
3. Thay ĐHN cỡ nhỏ	Cái	27.500	28.569	103,89%
4. Thay ĐHN cỡ lớn	Cái	60	74	123,33%

- Về công tác phát triển khách hàng, trong năm 2023 đã thực hiện gắn mới 1.884 đồng hồ nước, đạt 125,6% kế hoạch. Qua đó, gia tăng thêm sản lượng nước tiêu thụ từ khách hàng mới, đảm bảo duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.

- Về công tác thay đồng hồ nước, việc đẩy nhanh công tác thay đồng hồ nước trên mạng lưới đến niên hạn, nhằm giảm sai số, thất thoát, trong công tác đo đếm sản lượng nước sử dụng của khách hàng. Trong năm 2023, Công ty đã thay được 28.569 đồng hồ nước cỡ nhỏ, đạt tỷ lệ 103,89% kế hoạch và 74 đồng hồ nước cỡ lớn, đạt tỷ lệ 123,33% kế hoạch.

3) Về công tác thu tiền nước:

Quy mô về công tác thu tiền nước tăng hơn cùng kỳ năm trước, với số lượng hóa đơn phát hành năm 2023 là 1.674.242 hóa đơn, nhiều hơn cùng kỳ năm trước 26.252 hóa đơn. Doanh thu tiền nước năm 2023 là 881,950 tỷ đồng, tăng 35,973 tỷ đồng so với cùng kỳ, đạt 101,58% kế hoạch. Tỷ lệ thực thu năm 2023 đạt 99,53% cao hơn cùng kỳ năm 2022 (99,48%) là 0,05%.

4) Về công tác xây dựng cơ bản:

- Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-CNNB-HĐQT ngày 16/11/2023 về việc thông qua kế hoạch xây dựng cơ bản năm 2023 được điều chỉnh, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè đã thi công hoàn thành 100% khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản. Cụ thể Công ty đã thi công hoàn thành 3/3 công trình phát triển mạng lưới cấp nước với khối lượng 2.364 mét – đạt tỷ lệ 104% kế hoạch và 6/6 công trình sửa chữa ống mục với khối lượng 18.015 mét – đạt tỷ lệ 106,38% kế hoạch. Các công trình nội bộ sử dụng vốn chi phí sửa chữa lớn, Công ty đã thi công hoàn tất và đưa vào sử dụng công trình sửa chữa hàng rào xung quanh trụ sở Công ty và Trung tâm điều hành cấp nước thông minh (IOC).

5) Về kết quả tài chính:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về tài chính năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Năm 2023	
			Thực hiện	So với KH 2023
<i>A</i>		<i>I</i>	<i>4</i>	<i>5=4/I</i>
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	873,234	894,057	102,38%
+ Doanh thu nước sạch	Tỷ đồng	868,234	881,950	101,58%
+ DT nước Sawanew	Tỷ đồng	2,000	2,774	138,7%
+ Doanh thu khác	Tỷ đồng	3,000	9,333	311,1%
2. Tổng Chi phí	Tỷ đồng	845,334	861,099	101,86%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,900	32,958	118,13%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22,020	25,326	115,01%

Công tác quản lý tài chính được thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành và theo quy định pháp luật.

Tổng doanh thu năm 2023 là 894,057 tỷ đồng đạt 102,38% kế hoạch, tăng 4,53% so với cùng kỳ năm trước (khoảng hơn 38 tỷ đồng), do giá bán bình quân nước sạch tăng và tỷ lệ thất thoát nước giảm so với kế hoạch nên tổng lợi nhuận trước thuế trong năm 2023 đạt 32,958 tỷ đồng, bằng 118,13% kế hoạch.

6) Về công tác quản trị doanh nghiệp và thông tin cổ phiếu NBW:

a. Để bảo đảm tiến độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của “Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2023”, Ban điều hành đã triển khai các mặt công tác sau:

- Tập trung thực hiện một số chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh (sản lượng, doanh thu, tỷ lệ thất thoát nước,...) để hoàn thành nhiệm vụ thi đua về hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã thực hiện thuê dịch vụ kiểm toán nội bộ về tình hình hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 với Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt

- Theo dõi, kiểm tra thường xuyên, việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà công ty ban hành theo quyết định số 069/QĐ-CNNB-TCHC ngày 31/3/2023 về việc giao chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm 2023 cho các Phòng, Ban chuyên môn. Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu thi đua và kế hoạch năm 2023.

- Ứng dụng công nghệ cập nhật mã định danh cá nhân để thu thập và xác định định mức sử dụng nước của khách hàng được thực hiện nhanh chóng, chính xác.

- Rà soát, điều chỉnh, các quy trình làm việc, chức năng nhiệm vụ tất cả các Phòng, Ban theo hướng tối ưu quy trình, số hoá, nâng cao hiệu quả làm việc

- Kiểm soát tốt dòng tiền kinh doanh, nhất là chi phí bán hàng, chi phí quản lý...

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành.

b. Thông tin cổ phiếu Công ty trong năm 2023:

Thông kê cổ phiếu NBW được giao dịch trên thị trường chứng khoán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 tại trang “cophieu68.vn” như sau:

- Tổng khối lượng cổ phiếu khớp lệnh là: 349.339 cổ phiếu.

- Giá khớp lệnh thấp nhất là 16.000 đồng/cổ phiếu; giá khớp lệnh cao nhất là 29.800 đồng/cổ phiếu.

7) Đánh giá chung:

• **Mặt làm được:**

Công ty duy trì được sự ổn định trong hoạt động, phát triển thể hiện qua các điểm sau:

- Thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn theo kế hoạch chung, hoàn thành các chỉ tiêu phát triển mạng lưới cấp nước và khách hàng : Đảm bảo 100% hộ dân phục vụ được cung cấp nước sạch và tiếp tục cấp nước ổn định đến các vùng hạ Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Thực hiện tốt công tác chống thất thoát nước, tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2023 đạt 12,24% thấp hơn kế hoạch năm (13,5%) là 1,26%. Duy trì tỷ lệ thất thoát nước ổn định ở mức thấp hơn kế hoạch được giao, theo đúng lộ trình giảm thất thoát nước của Công ty và Tổng Công ty.

- Hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu tiền nước và công tác thay, gắn mới đồng hồ nước...

- Các chỉ tiêu sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2023 vượt kế hoạch đề ra. Tổng doanh thu đạt 894,057 tỷ đồng, đạt 102,38% kế hoạch, tăng hơn năm 2022 là 4,53%. Quản lý tốt về mặt tài chính, chi phí nên tổng lợi nhuận trước thuế đạt 32,958 tỷ đồng, đạt 118,13% kế hoạch, đảm bảo nguồn tài chính, lợi nhuận ổn định. Thu nhập của người lao động tăng, đảm bảo được tỷ lệ cổ tức cho cổ đông vượt so với năm 2022.

- Hoàn thành 100% các công trình đầu tư xây dựng cơ bản.

- Ứng dụng công nghệ thông tin đã hỗ trợ nhiều cho công tác quản lý, chuyên môn trong hoạt động của Công ty.

• **Mặt hạn chế:**

- Tiến độ các công trình xây dựng cơ bản tập trung nhiều vào các tháng cuối năm, ảnh hưởng đến việc giải ngân không đạt tiến độ. Cần quan tâm phối hợp tốt hơn với các Sở ban ngành trong việc thoả thuận hướng tuyến và xin phép đào đường.

- Các dự án công nghệ thông tin còn chậm, nguồn lực công nghệ bị phân tán. Các ứng dụng thông tin trong quản lý khách hàng còn chưa đồng bộ và chưa tận dụng triệt để nền tảng công nghệ NHABEGIS, hiệu quả còn hạn chế.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ NĂM 2024 :

1) **Chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2024 :**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng trưởng so với TH 2023 (%)
1. Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m ³	72,669	73,700	+1,42%
2. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	894,057	905,908	+1,32%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,958	33,565	+1,84%

2) **Nhiệm vụ trọng tâm :**

- Tiếp tục duy trì chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý.

- Công ty tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ của Kế hoạch sản xuất-kinh doanh-tài chính năm 2024 được HĐQT phê duyệt. Đảm bảo thực hiện tốt chỉ tiêu lợi nhuận, đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động. Trong đó chú trọng các chỉ tiêu chính như : sản lượng, doanh thu, tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch năm 2024.

- Thực hiện hoàn thành các công trình xây dựng cơ bản, chú trọng thực hiện giải ngân các công trình theo đúng tiến độ kế hoạch.

3) **Các giải pháp chủ yếu :**

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án công nghệ thông tin nhằm tăng cường năng lực sản xuất kinh doanh của toàn Công ty, trọng tâm là nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tiến hành xây dựng kho dữ liệu dùng chung để quản lý tập trung thông tin khách hàng, đồng bộ dữ liệu của khối Kinh doanh, tập trung xây dựng hệ thống các ứng dụng khối Kỹ thuật phục vụ công tác quản lý mạng lưới cấp nước... bên cạnh đó tận dụng triệt để nền tảng công nghệ NHABEGIS để nâng cao hiệu quả đầu tư. Trong cải cách hành chính, chuyển đổi số, Công ty kiên định trong đường lối ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng ứng dụng văn phòng điện tử trên các thiết bị di động, tận dụng triệt để hiệu quả của chữ ký điện tử, nâng cao khả năng tương tác cũng như năng lực



công tác mọi lúc mọi nơi. Đầu tư thiết bị công nghệ đảm bảo an toàn an ninh dữ liệu trong quá trình chuyển đổi số. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật nhằm phục vụ công tác phát triển ứng dụng theo hướng tập trung, ứng dụng điện toán đám mây để gia tăng khả năng tương tác, năng lực phát triển cũng như bắt kịp về công nghệ xu hướng hiện nay.

- Đưa vào sử dụng thiết bị công nghệ có chức năng kiểm soát tốt áp lực và chất lượng nước đảm bảo cho mục tiêu cấp nước an toàn. Thực hiện các giải pháp, kết hợp về kỹ thuật và kinh doanh để gia tăng sản lượng, doanh thu, giảm lượng nước thất thoát. Tiếp tục hoàn chỉnh các tiểu vùng DMA trên địa bàn, để kiểm soát tốt nước thất thoát hữu hình. Kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nghiệp vụ kinh doanh và việc sử dụng nước của khách hàng để kiểm soát tốt nước thất thoát vô hình. Tập trung công tác giảm thất thoát nước có chiều sâu, mang tính ổn định, bền vững. Duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức thấp hơn kế hoạch được giao, theo đúng lộ trình giảm thất thoát nước của Công ty và Tổng Công ty.

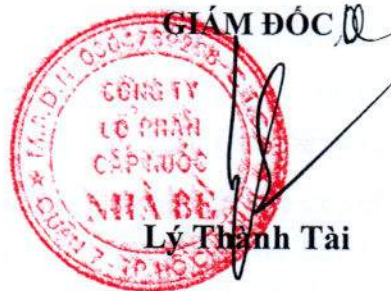
- Theo dõi, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, hoàn thành các công trình đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, đảm bảo tiến độ giải ngân theo kế hoạch.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện sản xuất – kinh doanh – tài chính năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Trân trọng.

Nơi nhận :

- TV.HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu VT, P.KHVTTH, Tổ GV.





Phụ lục 1:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM/2023

(kèm theo Báo cáo số 081/BC-CNNB-KHVTTH ngày 11/3 tháng 3 năm 2024)

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Năm 2023	
			Thực hiện	So với KH 2023
A. SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	Triệu m ³	72,500	72,669	100,23%
2. Doanh thu tiền nước	Tỷ đồng	868,234	881,950	101,58%
3. Gắn mới ĐHN cỡ nhỏ	Cái	1.500	1.884	125,6%
4. Gắn mới ĐHN cỡ lớn	Cái	-	01	
5. Thay ĐHN nhỏ	Cái	27.500	28.569	103,89%
6. Thay ĐHN lớn	Cái	60	74	123,33%
7. Tỷ lệ thất thoát nước	%	13,50	12,24	-1,26%
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG				
<i>1. Phát triển mạng lưới</i>				
- Khối lượng	Mét	2.273	2.364	104%
- Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	5,517	5,119	92,79%
<i>2. Sửa chữa ống mục</i>				
- Khối lượng	Mét	16.934	18.015	106,38%
- Hàm đồng hồ tổng	Hàm	07	07	100%
- Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	33,510	17,515	52,27%
C. MUA SẴM THIẾT BỊ				
1. Mua sắm trang thiết bị cho công tác giảm thất thoát nước năm 2023	Tỷ đồng	10,160	9,971	98,14%
2. Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin năm 2023	Tỷ đồng	9,555	5,460	57,14%
3. Trang bị phương tiện cơ giới phục vụ công tác	Tỷ đồng	1,234	1,234	100%
D. TÀI CHÍNH				
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	873,234	894,057	102,38%
2. Tổng chi phí	Tỷ đồng	845,334	861,099	101,86%
3. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	27,900	32,958	118,13%
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22,020	25,326	115,01%



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty trình bày từ trang 07 đến trang 41 đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304789298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần thứ chín vào ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính tại số 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Quản lý phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ giám sát, khảo sát công trình);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Lập dự án, thẩm tra thiết kế. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác;
- Bán buôn, bán lẻ nước tinh khiết, vật tư, thiết bị ngành nước, thiết bị lọc nước.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch
Ông Lý Thành Tài	Thành viên
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên
Ông Võ Tấn Bảo Quang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Lam	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Nga	Thành viên	Bổ nhiệm kể từ ngày 11/09/2023
Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên	Miễn nhiệm kể từ ngày 11/09/2023

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc

Ông Lý Thành Tài	Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Trang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Vũ Thị Thùy Nga.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Lý Thành Tài - Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thầy má và đại diện cho Ban Giám đốc,



LÝ THANH TÀI

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 3 năm 2024, trình bày từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 35 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè đã phối hợp rà soát, xác định khối lượng nước và giá trị Công ty phải hoàn trả thêm cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa và chi phí mua si nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán si nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị lần lượt là 2.714.428.919 đồng và 8.040.113.821 đồng. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính, dẫn đến số dư đầu năm của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được trình bày lại.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính này tại ngày 17/03/2023.



Phán Thanh Điền
Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
số 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Hà Thị Thanh Thúy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
số 4707-2024-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		141.418.211.823	155.253.657.812
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.614.792.552	58.090.668.494
Tiền	111		33.614.792.552	37.090.668.494
Các khoản tương đương tiền	112		-	21.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	65.000.000.000	55.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.000.000.000	55.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.521.445.758	13.553.992.769
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	13.161.806.847	11.890.223.458
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	326.142.500	875.886.146
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.135.777.140	1.032.304.485
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(2.102.280.729)	(244.421.320)
Hàng tồn kho	140	11	28.252.561.678	27.053.550.625
Hàng tồn kho	141		28.252.561.678	27.053.550.625
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.029.411.835	1.555.445.924
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	511.937.825	529.342.836
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.516.835.542	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	638.468	1.026.103.088
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.237.852.193	145.927.195.718
Các khoản phải thu dài hạn	210		39.000.000	39.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	39.000.000	39.000.000
Tài sản cố định	220		146.158.952.942	140.972.707.283
Tài sản cố định hữu hình	221	13	144.597.056.554	138.477.307.427
- Nguyên giá	222		495.727.095.866	468.653.258.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.130.039.312)	(330.175.950.976)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.561.896.388	2.495.399.856
- Nguyên giá	228		13.518.850.253	12.831.202.980
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.956.953.865)	(10.335.803.124)
Tài sản dở dang dài hạn	240		8.884.700.088	969.014.197
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	8.884.700.088	969.014.197
Tài sản dài hạn khác	260		6.155.199.163	3.946.474.238
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.678.532.935	239.560.351
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	4.476.666.228	3.706.913.887
TỔNG TÀI SẢN	270		302.656.064.016	301.180.853.530

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		126.945.338.797	130.041.062.785
Nợ ngắn hạn	310		126.620.338.797	129.696.062.785
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	85.712.602.815	84.011.671.130
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	558.062.829	611.562.019
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	17.847.056.117	22.931.308.015
Phải trả người lao động	314		16.023.538.326	15.821.740.979
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	191.616.915	153.526.618
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	6.220.774.254	5.704.533.083
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.687.541	461.720.941
Nợ dài hạn	330		325.000.000	345.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	20	325.000.000	345.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.710.725.219	171.139.790.745
Vốn chủ sở hữu	410	22	175.710.725.219	171.139.790.745
Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.000.000.000	109.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.000.000.000	109.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		431.588.293	431.588.293
Quỹ đầu tư phát triển	418		41.595.763.549	41.595.763.549
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		24.683.373.377	20.112.438.903
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(643.592.434)	(643.592.434)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.326.965.811	20.756.031.337
TỔNG NGUỒN VỐN	440		302.656.064.016	301.180.853.530

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

VÕ THỊ KIM LOAN

Kế toán trưởng

VŨ THỊ THÙY NGÀ

Giám đốc



LÊ THÀNH TÀI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	888.862.405.077	853.429.971.366
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		888.862.405.077	853.429.971.366
Giá vốn hàng bán	11	24	606.649.949.094	585.762.313.369
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		282.212.455.983	267.667.657.997
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.159.147.122	1.983.151.028
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	26	165.518.883.844	164.797.455.772
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	88.763.624.266	78.010.995.521
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.089.094.995	26.842.357.732
Thu nhập khác	31	27	35.417.215	118.164.416
Chi phí khác	32	28	166.405.037	8.063.516
Lợi nhuận khác	40		(130.987.822)	110.100.900
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.958.107.173	26.952.458.632
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.400.893.703	9.337.478.036
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(769.752.341)	(3.141.050.741)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.326.965.811	20.756.031.337
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.324	1.350
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.324	1.350

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

VÕ THỊ KIM LOAN

Kế toán trưởng

VŨ THỊ THÙY NGA

Giám đốc



LÝ THÀNH TÀI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	32.958.107.173	26.952.458.632
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	30.596.327.550	31.518.493.945
Các khoản dự phòng	03	1.857.859.409	244.421.320
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.159.147.122)	(1.986.787.392)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	60.253.147.010	56.728.586.505
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(1.579.314.827)	11.842.263.432
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(1.052.455.757)	(3.015.597.750)
Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.551.608.690	16.646.316.254
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(369.840.544)	12.918.875.965
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.285.948.588)	(2.962.059.711)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.436.064.737)	(5.302.618.560)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.081.131.247	86.855.766.135
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(45.052.532.568)	(28.667.181.734)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.636.364
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(140.000.000.000)	(75.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	130.000.000.000	30.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.120.878.629	1.550.953.768
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(49.931.653.939)	(72.112.591.602)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.625.353.250)	(13.149.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.625.353.250)	(13.149.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(24.475.875.942)	1.594.014.533
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	58.090.668.494	56.496.653.961
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	<u>33.614.792.552</u>	<u>58.090.668.494</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

VÕ THỊ KIM LOAN

Kế toán trưởng

VŨ THỊ THÙY NGA

Giám đốc



LÝ THÀNH TÀI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, được thành lập từ quá trình cổ phần hóa Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304789298 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2007, thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 08 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 109.000.000.000 đồng, được chia thành 10.900.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 391 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 389 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ, xây lắp và sản xuất nước tinh khiết.

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Quản lý phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất;
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ giám sát, khảo sát công trình);
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Lập dự án, thẩm tra thiết kế. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác;
- Bán buôn, bán lẻ nước lẻ tinh khiết, vật tư, thiết bị ngành nước, thiết bị lọc nước.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên, liên tục nhiều lần trong tháng.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch và dịch vụ. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty không có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại Thuyết minh số 31 và 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), Thông tư số 75/2015/TT- BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian khấu hao của tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	08
Phần mềm quản lý	03 - 05

4.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ 03 tháng đến 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và đúng năm tài chính.

4.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: cung cấp nước sạch và cung cấp các dịch vụ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, các Công ty trực thuộc Tổng Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết do Tổng Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	84.802.371	184.674.995
Tiền gửi ngân hàng	33.529.990.181	36.905.993.499
Các khoản tương đương tiền	-	21.000.000.000
Cộng	33.614.792.552	58.090.668.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000.000	65.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
<i>Ngắn hạn</i>	<i>65.000.000.000</i>	<i>65.000.000.000</i>	<i>55.000.000.000</i>	<i>55.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	65.000.000.000	65.000.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Dài hạn</i>	-	-	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất từ 4,5%-5,2%/năm, tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam với lãi suất 4,2%-4,4%/năm.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13.161.806.847	(2.102.280.729)	11.890.223.458	(244.421.320)
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	142.426.762	-	162.584.468	-
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	12.772.300.511	(2.102.280.729)	11.491.578.973	(244.421.320)
- Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	247.079.574	-	236.060.017	-
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	156.722.034	-	203.401.386	-

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 34.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	326.142.500	-	875.886.146	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Kiến Gia	227.500.000	-	227.500.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ SAGA	-	-	389.400.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Giải pháp Công nghệ môi trường Việt Nam	-	-	121.801.925	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	98.642.500	-	137.184.221	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán là bên liên quan	157.720.229	-	190.315.529	-

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 34.1)

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	1.135.777.140	-	1.032.304.485	-
- Tạm ứng	102.000.000	-	-	-
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	710.356.164	-	672.087.671	-
- Ký quỹ, ký cược	82.000.000	-	232.000.000	-
- Phải thu khác	241.420.976	-	128.216.814	-
Dài hạn	39.000.000	-	39.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược	39.000.000	-	39.000.000	-
Cộng	1.174.777.140	-	1.071.304.485	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. NỢ XẤU

	Tại 31/12/2023			Tại 01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	2.102.280.729	(2.102.280.729)	-	244.421.320	(244.421.320)	-
Khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	1.862.130.849	(1.862.130.849)	-	-	-	-
Công ty TNHH Monarch Laundry	240.149.880	(240.149.880)	-	244.421.320	(244.421.320)	-
Cộng	2.102.280.729	(2.102.280.729)	-	244.421.320	(244.421.320)	-

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.147.167.470	-	8.113.566.441	-
Công cụ, dụng cụ	51.066.180	-	85.695.228	-
Chi phí dở dang nước sạch	19.952.250.026	-	18.649.371.387	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.997.825	-	160.097.251	-
Thành phẩm	37.080.177	-	44.820.318	-
Cộng	28.252.561.678	-	27.053.550.625	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	(Trình bày lại) VND
Ngắn hạn	511.937.825	529.342.836
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	511.937.825	529.342.836
Dài hạn	1.678.532.935	239.560.351
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.678.532.935	239.560.351
Cộng	2.190.470.760	768.903.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2023	27.605.718.209	41.448.971.818	390.452.731.426	8.882.212.950	263.624.000	468.653.258.403
- Mua trong năm	45.200.000	6.497.256.000	1.292.076.661	1.803.752.000	-	9.638.284.661
- Đầu tư XDCB hoàn thành	8.584.420.719	1.449.606.000	15.422.614.556	-	-	25.456.641.275
- Thanh lý tài sản	-	(3.643.421.080)	(4.377.667.393)	-	-	(8.021.088.473)
Tại 31/12/2023	36.235.338.928	45.752.412.738	402.789.755.250	10.685.964.950	263.624.000	495.727.095.866
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2023	(17.269.553.740)	(30.867.412.437)	(276.128.548.796)	(5.646.812.003)	(263.624.000)	(330.175.950.976)
- Khấu hao trong năm	(1.372.032.654)	(4.297.982.650)	(22.081.923.598)	(1.223.237.907)	-	(28.975.176.809)
- Thanh lý tài sản	-	3.643.421.080	4.377.667.393	-	-	8.021.088.473
Tại 31/12/2023	(18.641.586.394)	(31.521.974.007)	(293.832.805.001)	(6.870.049.910)	(263.624.000)	(351.130.039.312)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2023	10.336.164.469	10.581.559.381	114.324.182.630	3.235.400.947	-	138.477.307.427
Tại 31/12/2023	17.593.752.534	14.230.438.731	108.956.950.249	3.815.915.040	-	144.597.056.554
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại 01/01/2023	2.442.331.929	19.557.882.132	167.796.633.955	3.966.027.495	263.624.000	194.026.499.511
Tại 31/12/2023	2.442.331.929	19.338.387.943	175.456.323.100	4.175.459.495	263.624.000	201.676.126.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2023	12.831.202.980	12.831.202.980
- Mua trong năm	687.647.273	687.647.273
Tại 31/12/2023	<u>13.518.850.253</u>	<u>13.518.850.253</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại 01/01/2023	(10.335.803.124)	(10.335.803.124)
- Khấu hao trong năm	(1.621.150.741)	(1.621.150.741)
Tại 31/12/2023	<u>(11.956.953.865)</u>	<u>(11.956.953.865)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2023	<u>2.495.399.856</u>	<u>2.495.399.856</u>
Tại 31/12/2023	<u>1.561.896.388</u>	<u>1.561.896.388</u>
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:		
Tại 01/01/2023	<u>5.808.036.580</u>	<u>5.808.036.580</u>
Tại 31/12/2023	<u>9.198.376.580</u>	<u>9.198.376.580</u>

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
- Phát triển mạng lưới cấp nước	628.708.407	104.673.420
- Chi phí sửa chữa ống mục	7.491.044.947	229.588.534
- Thay đai xám và ống nhánh	-	129.923.902
- Xây hầm đồng hồ tổng	201.208.788	33.746.092
- Di dời hệ thống cấp nước, xử lý giao cắt	563.737.946	471.082.249
Cộng	<u>8.884.700.088</u>	<u>969.014.197</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023 (Trình bày lại)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	85.712.602.815	85.712.602.815	84.011.671.130	84.011.671.130
- Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (*)	76.224.087.998	76.224.087.998	63.759.227.137	63.759.227.137
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	9.488.514.817	9.488.514.817	20.252.443.993	20.252.443.993
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	76.224.087.998	76.224.087.998	63.759.227.137	63.759.227.137
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh số 34.1)</i>				

(*) Công ty điều chỉnh hồi tố ghi tăng khoản phải trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV liên quan đến chi phí mua sỉ nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị là 8.040.113.821 đồng (Xem thêm thông tin chi tiết tại mục 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn	558.062.829	611.562.019
- Trả trước dịch vụ đồng hồ nước	381.735.893	456.380.296
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	176.326.936	155.181.723
Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	50.000.000	50.000.000
<i>(Chi tiết xem tại thuyết minh số 34.1)</i>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2023			Trong năm		Tại 31/12/2023	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Phân loại lại (*)	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.931.308.015	1.026.103.088	195.482.564.883	1.026.103.088	200.567.455.249	17.847.056.117	638.468
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp (*)	-	1.026.103.088	5.023.157.756	1.026.103.088	5.023.157.756	-	-
- Thuế giá trị gia tăng tiền dịch vụ thoát nước phải nộp	758.974.191	-	14.258.926.454	-	13.913.804.998	1.104.095.647	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	7.120.676.726	-	8.400.893.703	-	13.285.948.588	2.235.621.841	-
- Thuế thu nhập cá nhân	470.472.356	-	3.543.698.693	-	3.017.953.289	996.217.760	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (***)	3.218.093.349	-	6.995.469.832	-	10.213.563.181	-	-
- Phí dịch vụ thoát nước	11.254.827.030	-	157.093.512.994	-	154.837.219.155	13.511.120.869	-
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	108.264.363	-	166.905.451	-	275.808.282	-	638.468
Cộng	22.931.308.015	1.026.103.088	195.482.564.883	1.026.103.088	200.567.455.249	17.847.056.117	638.468

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm của Công ty là 6.049.260.844 đồng bao gồm: 5.023.157.756 đồng là số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm 2023 và 1.026.103.088 đồng là số thuế giá trị gia tăng phải thu đầu năm phân loại lại sang chi tiêu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

(**) Số thuế phải nộp của Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán. Số thuế trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(***) Trong năm Công ty đã tính nộp và ghi nhận tiền thuê đất năm 2023 tại địa chỉ 1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM theo phương thức tính hệ số sử dụng đất theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV với số tiền là 6.844.873.200 đồng, cao hơn Thông báo nộp tiền về tiền thuê đất, thuê mặt nước số 30913/TB-CCTKVQ7NB ngày 05/10/2023 của Chi cục Thuế Khu vực Quận 7 – Huyện Nhà Bè với số tiền là 622.261.200 đồng.

Ngoài ra, Hợp đồng thuê đất tại địa chỉ nêu trên đang căn cứ theo hợp đồng số 5783/HĐTĐ-QHSDD ngày 10/09/2004 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cấp nước Thành phố về việc cho thuê khu đất 5.015 m2 tại Phường Tân Phong, Quận 7 để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	191.616.915	153.526.618
- Trích trước tiền đóng mở nước	39.721.643	-
- Trích trước chi phí 4G điện thoại, cước viễn thông	6.927.160	644.578
- Trích trước tiền điện	-	49.245.676
- Chi phí khác	144.968.112	103.636.364
Dài hạn	-	-
Cộng	191.616.915	153.526.618

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	6.220.774.254	5.704.533.083
- Bảo hiểm xã hội	16.143.899	9.978.699
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.818.472.000	1.403.472.000
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	489.695.785	400.049.035
- Phải trả tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	61.803.995	61.803.995
- Tiền được miễn giảm nhưng khách hàng đã đóng	918.764.269	919.559.874
- Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (*)	2.714.428.919	2.714.428.919
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	201.465.387	195.240.561
Dài hạn	325.000.000	345.000.000
- Nhận ký cược, ký quỹ	325.000.000	345.000.000
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Phải trả khác là các bên liên quan	2.714.428.919	2.714.428.919

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 34.1)

(*) Công ty điều chỉnh hội tổ ghi tăng khoản phải trả cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa với giá trị là 2.714.428.919 đồng (Xem thêm thông tin chi tiết tại mục 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	22.383.331.139	18.534.569.433
- Chi phí trả trước là chi phí gắn, thay đồng hồ nước, bảo hiểm nhân thọ, công cụ dụng cụ khác	22.383.331.139	18.534.569.433
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.476.666.228	3.706.913.887
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.476.666.228	3.706.913.887

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	53,44%	58.252.700.000	53,44%	58.252.700.000
Công ty TNHH Nước sạch REE	20,02%	21.821.000.000	20,02%	21.821.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	10,00%	10.900.000.000	10,00%	10.900.000.000
Các cổ đông khác	16,54%	18.026.300.000	16,54%	18.026.300.000
Cộng	100%	109.000.000.000	100%	109.000.000.000

22.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	109.000.000.000	109.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	109.000.000.000	109.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14.715.000.000	13.080.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.900.000	10.900.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.900.000	10.900.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.900.000</i>	<i>10.900.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.900.000	10.900.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.900.000</i>	<i>10.900.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2022	109.000.000.000	431.588.293	41.150.001.208	28.398.142.908	178.979.732.409
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.756.031.337	20.756.031.337
- Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	445.762.341	(18.287.192.602)	(17.841.430.261)
+ Trích Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	445.762.341	(445.762.341)	-
+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	-	-	-	(358.000.000)	(358.000.000)
+ Trích Quỹ khen thưởng Người lao động	-	-	-	(4.403.430.261)	(4.403.430.261)
+ Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(13.080.000.000)	(13.080.000.000)
Tại 31/12/2022	109.000.000.000	431.588.293	41.595.763.549	30.866.981.643	181.894.333.485
- Điều chỉnh giảm lợi nhuận liên quan chi phí mua sỉ nước sạch hoàn trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV (*)	-	-	-	(10.754.542.740)	(10.754.542.740)
Tại 01/01/2023 (Trình bày lại)	109.000.000.000	431.588.293	41.595.763.549	20.112.438.903	171.139.790.745
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	25.326.965.811	25.326.965.811
- Phân phối lợi nhuận năm 2022 (**)	-	-	-	(20.756.031.337)	(20.756.031.337)
+ Trích Quỹ thưởng Người quản lý Công ty	-	-	-	(388.625.000)	(388.625.000)
+ Trích Quỹ khen thưởng Người lao động	-	-	-	(5.652.406.337)	(5.652.406.337)
+ Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	(14.715.000.000)	(14.715.000.000)
Tại 31/12/2023	109.000.000.000	431.588.293	41.595.763.549	24.683.373.377	175.710.725.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Công ty điều chỉnh hồi tố ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước khoản phải trả bổ sung cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV liên quan đến số tiền chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn cung cấp nước sạch đến trước thời điểm chính thức cổ phần hóa với giá trị là 2.714.428.919 đồng và chi phí mua si nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán si nước sạch qua đồng hồ tổng với giá trị là 8.040.113.821 đồng, tổng cộng là 10.754.542.740 đồng (Xem thêm thông tin chi tiết tại mục 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính).

(**) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu	888.862.405.077	853.429.971.366
- Doanh thu hoạt động cung cấp nước TP.HCM	868.458.564.504	833.408.735.801
- Doanh thu hoạt động cung cấp nước Long An	13.491.579.050	12.568.684.049
- Doanh thu cung cấp đồng hồ nước	2.383.652.447	2.994.422.309
- Doanh thu nước Sawanew	2.773.659.128	2.749.176.483
- Doanh thu hoạt động khác	1.754.949.948	1.708.952.724
Doanh thu với các bên liên quan	603.164.987	865.358.101

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 34.1)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước TP.HCM	591.375.952.759	570.566.515.782
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước Long An	10.122.540.125	10.015.557.152
Giá vốn cung cấp đồng hồ nước	2.077.083.102	2.272.871.133
Giá vốn Sawanew	1.522.841.106	1.590.002.432
Giá vốn các hoạt động khác	1.551.532.002	1.317.366.870
Cộng	606.649.949.094	585.762.313.369

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	5.159.147.122	1.983.151.028
Cộng	5.159.147.122	1.983.151.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	165.518.883.844	164.797.455.772
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.766.462.878	48.310.524.221
- Chi phí nhân viên bán hàng	77.979.808.094	67.677.206.914
- Chi phí khấu hao TSCĐ	25.699.439.293	21.579.007.837
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	318.768.747	-
- Chi phí bán hàng nước Sawanew	1.141.974.319	1.068.463.744
- Chi phí chống thất thoát nước	12.669.499.982	16.838.276.387
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.683.634	-
- Chi phí bằng tiền khác	10.817.246.897	9.323.976.669
Chi phí quản lý doanh nghiệp	88.763.624.266	78.010.995.521
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.585.989.547	6.451.374.736
- Chi phí nhân viên quản lý	36.781.446.725	32.431.310.782
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.864.333.988	4.340.365.116
- Chi phí dự phòng	1.857.859.409	244.421.320
- Thuế, phí và lệ phí	6.999.469.832	4.855.728.093
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.149.224	1.883.976.234
- Chi phí bằng tiền khác	33.628.375.541	27.803.819.240

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Nhập vật tư do kiểm kê thừa	33.248.090	-
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	-	13.388.102
Tiền lãi cổ đông không nhận	-	11.204.668
Nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	3.636.364
Thu nhập khác	2.169.125	89.935.282
Cộng	35.417.215	118.164.416

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	162.394.671	923.238
Chi phí khác	4.010.366	7.140.278
Cộng	166.405.037	8.063.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.958.107.173	26.952.458.632
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	28.146.577.073	24.707.213.109
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác	4.811.530.100	2.245.245.523
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	8.833.504.457	19.647.578.101
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>23.087.234.892</i>	<i>22.476.893.829</i>
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	4.209.256.160	2.991.024.235
- Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	588.000.000	588.000.000
- Các khoản phạt	166.394.671	7.919.731
- Điều chỉnh hóa đơn tiền nước năm trước	21.091.920	355.380.430
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ, đồng hồ nước	18.102.492.141	18.534.569.433
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(14.253.730.435)</i>	<i>(2.829.315.728)</i>
- Hoàn nhập chi phí bảo hiểm nhân thọ, đồng hồ nước, CCDC năm trước đã loại trừ	(14.253.730.435)	(2.829.315.728)
Tổng thu nhập chịu thuế	41.791.611.630	46.600.036.733
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh nước	36.980.081.530	44.354.791.210
- Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác	4.811.530.100	2.245.245.523
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.358.322.326	9.320.007.347
Bổ sung Chi phí thuế TNDN của các năm trước	42.571.377	17.470.689
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.400.893.703	9.337.478.036

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.850.746.087	565.863.146
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(3.620.498.428)	(3.706.913.887)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(769.752.341)	(3.141.050.741)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25.326.965.811	20.756.031.337
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(6.041.031.337)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.900.000	10.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.324	1.350
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	2.324	1.350

(*) Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2023. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2022 (Đã kiểm toán) VND/ Cổ phiếu	Ảnh hưởng điều chỉnh hồi tố VND/ Cổ phiếu	Năm 2022 (Sau điều chỉnh) VND/ Cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.904	(554)	1.350
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.904	(554)	1.350

Ngoài ra trong năm 2023, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2023.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.098.175.604	66.439.004.724
Chi phí nhân công	118.740.588.563	105.135.872.288
Thuế, phí và lệ phí	6.999.469.832	4.855.728.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.596.327.550	31.518.493.945
Chi phí dự phòng	1.857.859.409	244.421.320
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.171.832.858	3.389.757.148
Chi phí bằng tiền khác	52.866.870.937	39.742.484.276
Cộng	259.331.124.753	251.325.761.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:****Năm 2023**

	Cung cấp nước sạch VND	Dịch vụ khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	881.950.143.554	6.912.261.523	888.862.405.077
Giá vốn bộ phận	(601.498.492.884)	(5.151.456.210)	(606.649.949.094)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	280.451.650.670	1.760.805.313	282.212.455.983
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(252.305.073.597)	(1.977.434.513)	(254.282.508.110)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.146.577.073	(216.629.200)	27.929.947.873
Doanh thu hoạt động tài chính	-	5.159.147.122	5.159.147.122
Chi phí tài chính	-	-	-
Thu nhập khác	-	35.417.215	35.417.215
Chi phí khác	-	(166.405.037)	(166.405.037)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.146.577.073	4.811.530.100	32.958.107.173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(7.438.587.683)	(962.306.020)	(8.400.893.703)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	769.752.341	-	769.752.341
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.477.741.731	3.849.224.080	25.326.965.811
Tổng Tài sản			302.656.064.016
Tổng Nợ phải trả			126.945.338.797

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp):**

Năm 2022	Cung cấp nước sạch VND	Dịch vụ khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	845.977.419.850	7.452.551.516	853.429.971.366
Giá vốn bộ phận	(580.582.072.934)	(5.180.240.435)	(585.762.313.369)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	265.395.346.916	2.272.311.081	267.667.657.997
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(240.688.133.807)	(2.120.317.486)	(242.808.451.293)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.707.213.109	151.993.595	24.859.206.704
Doanh thu hoạt động tài chính	-	1.983.151.028	1.983.151.028
Chi phí tài chính	-	-	-
Thu nhập khác	-	118.164.416	118.164.416
Chi phí khác	-	(8.063.516)	(8.063.516)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.707.213.109	2.245.245.523	26.952.458.632
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(8.888.428.931)	(449.049.105)	(9.337.478.036)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	3.141.050.741	-	3.141.050.741
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.959.834.919	1.796.196.418	20.756.031.337
Tổng Tài sản			301.180.853.530
Tổng Nợ phải trả			130.041.062.785

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ
- Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn
- Ngân hàng TMCP Đông Á	Cổ đông lớn
- Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Nhà máy nước Tân Hiệp	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Nhà máy nước Thủ Đức	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp cấp nước Cần Giờ	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
- Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp cấp nước sinh hoạt Nông thôn	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn	Công ty con của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	Đầu tư khác của Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
1. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	191.269.967	165.823.607
- Mua hàng hóa dịch vụ	603.628.803.404	584.241.710.110
- Chia cổ tức	7.864.114.500	6.990.324.000
2. Công ty TNHH Nước sạch REE		
- Chia cổ tức	2.945.835.000	2.618.520.000
3. Ngân hàng TMCP Đông Á		
- Chia cổ tức	1.471.500.000	1.308.000.000
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.989.640	52.943.083
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước		
- Mua hàng hóa dịch vụ	111.390.000	326.400.000
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.399.987	65.881.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
6. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	110.968.186	181.486.348
7. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.316.368	22.014.546
8. Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	636.364	636.364
9. Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.100.000	24.096.367
10. Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.186.363	10.740.913
11. Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.607.273	280.213.890
12. Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Nhà máy nước Tân Hiệp		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.890.907	-
13. Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Nhà máy nước Thủ Đức		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.263.635	11.734.548
14. Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp cấp nước Cần Giờ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.729.998	4.988.182
15. Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp cấp nước sinh hoạt Nông thôn Tp.HCM		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.272.728	-
16. Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Nước sạch Sài Gòn		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	12.418.181
17. Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Công Chánh		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.296.298	5.312.400
18. Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.237.273	27.067.865
19. Công ty TNHH MTV Nước ngầm Sài Gòn		
- Mua hàng hóa dịch vụ	-	64.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
1. Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV		
- Phải thu khách hàng	142.426.762	162.584.468
- Phải trả cho người bán	76.224.087.998	63.759.227.137
- Phải trả khác	2.714.428.919	2.714.428.919
2. Chi nhánh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch		
- Phải thu khách hàng	4.840.363	40.816.918
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức		
- Phải thu khách hàng	9.454.909	-
4. Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Công Chánh		
- Người mua trả tiền trước	50.000.000	50.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	643.847.132	629.025.128
- Ông Lý Thành Tài	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Lý Bửu Nghĩa	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Lục Chánh Trường	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Ông Võ Tấn Bảo Quang (Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)	Thành viên HĐQT	84.000.000	56.000.000
- Ông Nguyễn Thanh Tùng (Miễn nhiệm ngày 21/04/2022)	Thành viên HĐQT	-	28.000.000
- Ông Lý Thành Tài	Giám đốc	614.737.408	600.486.207
- Ông Phạm Chí Thiện (Miễn nhiệm ngày	Phó Giám đốc	-	144.874.250
- Ông Nguyễn Ngọc Thanh (Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)	Phó Giám đốc	473.718.421	418.956.471
- Bà Nguyễn Ngọc Trang (Bổ nhiệm ngày 20/06/2022)	Phó Giám đốc	473.718.421	274.772.988
- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn (Bổ nhiệm ngày 29/09/2022)	Phó Giám đốc	473.718.421	122.671.105
- Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng ban kiểm soát	503.915.760	483.433.563
- Ông Nguyễn Công Thành	Thành viên BKS	28.000.000	42.000.000
- Bà Nguyễn Ngọc Ngà	Thành viên BKS	14.000.000	-
- Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên BKS	42.000.000	42.000.000
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên BKS	42.000.000	42.000.000
- Ông Nguyễn Hoàng Lam	Thành viên BKS	42.000.000	42.000.000
Cộng		3.855.655.563	3.346.219.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

34.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh như sau:

- Thuê đất làm văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê đất số 5783/HĐTĐ -QHSDĐ ngày 10/09/2004 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường và Công ty Cấp nước Thành phố về việc cho thuê khu đất 5.015 m² tại Phường Tân Phong, Quận 7 để đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Chi nhánh Cấp nước Nhà Bè. Thông tin cụ thể như sau:
 - Diện tích đất thuê là 5.015m² vị trí, ranh giới đất được xác định theo tờ bản đồ số 18277/GĐ-TNMT tại phường Tân Phong, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
 - Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày 21/05/2004.
 - Phương thức nộp tiền thuê đất: Thanh toán tiền thuê đất hàng năm.
- Thuê đất làm trạm bơm theo hợp đồng thuê đất số 4247/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 10/05/2016. Thông tin cụ thể như sau:
 - Diện tích đất thuê là 1.170,3m² gồm 76,9m² phạm lộ giới và 1.093,4m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 27, phường Bình Thuận, Quận 7, tại số 470 Huỳnh Tấn Phát, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Thời hạn thuê đất:
 - + Diện tích đất phạm lộ giới 76,9m²: thuê ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 02/01/2007 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè không được đầu tư xây dựng, khi Nhà nước thực hiện quy hoạch Công ty phải chấp hành giải tỏa theo quy định;
 - + Diện tích không phạm lộ giới 1.093,4m²: 50 năm kể từ ngày 02/01/2007.
 - Phương thức nộp tiền thuê đất: Thanh toán tiền thuê đất hàng năm.

34.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

34.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

34.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo Kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty đã phối hợp rà soát, xác định khối lượng nước và giá trị Công ty phải hoàn trả thêm cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV, chi tiết như sau:

- Vào thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 31/01/2007): Theo Biên bản về việc rà soát doanh thu tiền nước, giá vốn nước sạch tính đến thời điểm cổ phần hóa ngày 18/12/2023, số tiền Công ty hoàn trả thêm liên quan đến chênh lệch giữa doanh thu và giá vốn nước sạch của lượng nước khách hàng tiêu thụ tính đến ngày 31/01/2007 được ghi nhận vào kỳ 02, kỳ 03 năm 2007 với giá trị là 2.714.428.919 đồng;

- Giai đoạn từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán si nước sạch qua đồng hồ tổng (ngày 21/07/2011): Theo Biên bản cuộc họp ngày 01/08/2023 và hóa đơn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV đã xuất bổ sung ngày 30/12/2023, số tiền Công ty hoàn trả thêm liên quan đến chi phí mua si nước sạch từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi bắt đầu bán si nước sạch qua đồng hồ tổng (ngày 21/07/2011) với giá trị là 8.040.113.821 đồng.

Căn cứ theo Nghị quyết số 14/NQ-CNNB-HĐQT ngày 29/11/2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè đã thông qua khoản nợ phải trả bổ sung về chi phí mua si nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV nêu trên.

Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố vào Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến số dư đầu kỳ của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 như sau:

Chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số kiểm toán	Số điều chỉnh hồi tố		Số điều chỉnh hồi tố		Tại 31/12/2022
			Tăng (+) Giảm (-)		Tăng (+) Giảm (-)		Số sau điều chỉnh
			Năm 2007		Năm 2011		
		VND	VND	VND	VND	VND	
Phải trả ngắn hạn khác	319	2.990.104.164	2.714.428.919	-	-	5.704.533.083	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	75.971.557.309	-	8.040.113.821	8.040.113.821	84.011.671.130	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	30.866.981.643	(2.714.428.919)	(8.040.113.821)	(8.040.113.821)	20.112.438.903	

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 31 và 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

VÕ THỊ KIM LOAN

Kế toán trưởng

VŨ THỊ THÙY NGA



Giám đốc

TRẦN THÀNH TÀI



Số: **0811**/BC-CNNB-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè báo cáo tình hình hoạt động của Công ty năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1) Hội đồng quản trị và các hoạt động năm 2023

Hội đồng quản trị hiện nay của Công ty gồm 07 thành viên đại diện cho 3 cổ đông lớn gồm Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (Sawaco), Công ty TNHH Nước sạch REE (REE Water) và Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (Đông Á bank), cụ thể như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
			S.lượng	Tỉ lệ (%)	S.lượng	Tỉ lệ (%)
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36
2	Lý Thành Tài	Thành viên	8.000	0,073	1.456.318 (Sawaco)	13,36
3	Bùi Thanh Giang	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36
4	Lý Bửu Nghĩa	Thành viên	0	0	1.456.318 (Sawaco)	13,36

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Cổ phần đại diện sở hữu	
			S.lượng	Tỉ lệ (%)	S.lượng	Tỉ lệ (%)
5	Lục Chánh Trường	Thành viên	0	0	2.182.000 (REE Water)	20,02
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	0	0		
7	Võ Tấn Bảo Quang	Thành viên	0	0	1.090.000 (Đông Á Bank)	10,00

Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định của pháp luật. Thành viên Hội đồng quản trị là những người kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp và có tâm huyết đối với các hoạt động tại Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự đầy đủ các phiên họp và thể hiện được tinh thần trách nhiệm, tính cẩn trọng và thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 18/4/2023. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 làm cơ sở để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tổ chức thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính 2023.

Ngoài ra, theo đề nghị của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - cổ đông nắm giữ 53,44% vốn điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết số 03/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 11/9/2023 về việc thay thế Kiểm soát viên: miễn nhiệm ông Nguyễn Công Thành và bầu bổ sung bà Nguyễn Ngọc Nga kể từ ngày 11/9/2023

2) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp, 3 lần cho ý kiến bằng văn bản, ban hành 09 Nghị quyết để thực hiện chỉ đạo, định hướng, giám sát thường xuyên đối với Ban Giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- + Xem xét, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 và các quý năm 2023; kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2023;
- + Thông qua nội dung, tài liệu và công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

- + Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thay thế Kiểm soát viên Công ty (theo đề nghị của cổ đông lớn là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV);
- + Triển khai công tác kiểm toán nội bộ tại Công ty;
- + Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm vật tư, trang thiết bị; thực hiện các chỉ tiêu tài chính, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh; điều chỉnh cơ cấu tổ chức Phòng, Ban chuyên theo đề nghị của Giám đốc cho phù hợp với tình hình thực tế.
- + Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và mục tiêu, định hướng của Công ty và việc thực hiện các quy chế nội bộ của Công ty.
 - Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã xem xét, quyết định giá mua sỉ nước sạch và giám sát việc thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp với Ban Giám đốc Công ty và các phiên họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với các phòng, ban chuyên môn để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh để bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, định hướng của Công ty đã đề ra.

3) Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Mục	Số hiệu và nội dung
1	NQ	<i>Số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023. - Thông qua việc điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2022. - Thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023. - Thông qua các giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan năm 2023. - Thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2	NQ	<i>Số 07/NQ-CNNB-HĐQT ngày 23/3/2023</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022. - Thông qua tài liệu và công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, gồm có: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2023. + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023. + Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023. + Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. + Tiền lương và thù lao của Thành viên HĐQT và BKS năm 2023. + Báo cáo việc thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2022; đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và tiếp tục ủy quyền cho HĐQT thương thảo và quyết định hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. + Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. + Ban hành Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. - Thông qua việc bổ nhiệm bà Mai Ngọc Bích Hồng làm Người phụ trách quản trị Công ty, thay thế cho ông Nguyễn Tường Triêm. - Thông qua Báo cáo kiểm toán nội bộ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. - Phân công nhân sự phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

TT	Mục	Số hiệu và nội dung
3	NQ	<i>Số 08/NQ-CNNB-HĐQT ngày 28/3/2023</i>
	Nội dung	<p>Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2023. + Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022
4	NQ	<i>Số 09/NQ-CNNB-HĐQT ngày 07/6/2023</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính quý I và phương hướng, nhiệm vụ quý II năm 2023. - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023. - Thông qua việc thay đổi tên các đơn vị chuyên môn của Công ty
5	NQ	<i>Số 10/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/7/2023</i>
	Nội dung	- Thông qua việc thay đổi tên Phòng Quản lý hóa đồ dữ liệu thành Phòng Quản lý Điều hành cấp nước
6	NQ	<i>Số 11/NQ-CNNB-HĐQT ngày 07/8/2023</i>
	Nội dung	- Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thay thế Kiểm soát viên Công ty
7	NQ	<i>Số 12/NQ-CNNB-HĐQT ngày 02/10/2023</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023. - Thông qua kế hoạch lao động, quỹ tiền lương và thù lao năm 2023. - Bổ sung danh mục mua sắm năm 2023. - Rà soát cơ sở pháp lý, trình tự thủ tục đối với việc chi trả cho Tổng Công ty tiền nước tại thời điểm cổ phần hóa và mua bán nước qua đồng hồ tổng - Thông qua Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
8	NQ	<i>Số 13/NQ-CNNB-HĐQT ngày 16/11/2023</i>
	Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính 9 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2023. - Điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023. - Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm năm 2024

TT	Mục	Số hiệu và nội dung
9	NQ	Số 14/NQ-CNNB-HĐQT ngày 29/11/2023
	Nội dung	- Chi trả cho Tổng Công ty tiền nước tại thời điểm cổ phần hóa và mua bán nước qua đồng hồ tổng

4) Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2023

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023:

Năm 2023, Công ty thực hiện tốt chương trình mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã đề ra, cụ thể như sau:

Thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn trên địa bàn kinh doanh của Công ty; phát triển mạng lưới cấp nước và kịp thời triển khai gắn đồng hồ nước đáp ứng nhu cầu của khách hàng; đảm bảo duy trì tỉ lệ 100% hộ dân được cung cấp nước sạch.

Các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh năm 2023 vượt kế hoạch đề ra. Sản lượng nước tiêu thụ là 72.669 ngàn m³, tăng 1,322 ngàn m³ so với năm 2022 và đạt 100,23% kế hoạch đề ra; doanh thu tiền nước là 881,95 tỉ đồng đạt tỷ lệ 101,58% so với kế hoạch đề ra và tăng 35,97 tỷ đồng so với năm 2022; Tổng doanh thu đạt 894,06 tỉ đồng, đạt 102,38% kế hoạch, tăng 4,53% so với năm 2022.

Công tác chống thất thoát nước đạt kết quả tốt. Tỉ lệ thất thoát nước năm 2023 là 12,24%, giảm 1,26% so với kế hoạch đề ra (13,5%). Tỉ lệ thất thoát nước được duy trì ổn định ở mức thấp hơn kế hoạch được giao, theo đúng lộ trình giảm thất thoát nước của Công ty và Tổng Công ty.

Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản đã được Công ty thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch đã đề ra.

Công ty quản lý tốt về mặt tài chính, tiết giảm chi phí nên lợi nhuận trước thuế là 32,96 tỉ đồng, đạt 118,13% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 25,33 tỉ đồng; đảm bảo nguồn tài chính lành mạnh, đảm bảo được tỉ lệ cổ tức cho cổ đông vượt so với năm 2022; thu nhập và phúc lợi của người lao động được đảm bảo.

Mặt hạn chế:

Tiến độ các công trình xây dựng cơ bản tập trung nhiều vào các tháng cuối năm, ảnh hưởng đến việc giải ngân không đạt tiến độ. Cần quan tâm phối hợp tốt hơn với các Sở ban ngành trong việc thoả thuận hướng tuyến và xin phép đào đường để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các công ty đầu tư xây dựng.

Ứng dụng công nghệ thông tin đã hỗ trợ nhiều cho công tác quản lý, chuyên môn trong hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, việc triển khai các dự án công nghệ thông tin còn chậm, nguồn lực công nghệ bị phân tán. Các ứng dụng thông tin trong quản lý khách hàng còn chưa đồng bộ và chưa tận dụng triệt để nền tảng công nghệ NHABEGIS, hiệu quả chưa đạt như kỳ vọng.

3.2 Chi trả cổ tức năm 2023:

Thực hiện theo Điều Công ty trả cổ tức bằng tiền với tỉ lệ 13,5% vốn điều lệ, tổng số tiền cổ tức chi trả là 14.715.000.000 đồng. Thời gian thực hiện: ngày 14/7/2023.

Ngoài ra, thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước Khu vực IV tại Thông báo số 1702/TB-KV IV ngày 30/12/2022 và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tại Điều 5 Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCD ngày 18/4/2023, Hội đồng quản trị đã yêu cầu Giám đốc Công ty thuê đơn vị tư vấn để rà soát để làm rõ tính pháp lý và trình tự, thủ tục, hồ sơ đối với việc chi trả cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV tiền nước mua sỉ tại thời điểm cổ phần hóa và mua bán nước qua đồng hồ tổng. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-CNNB-HĐQT ngày 29/11/2023 về việc chi trả cho Tổng Công ty số tiền nước tại thời điểm cổ phần hóa và mua bán nước qua đồng hồ tổng với số tiền là 10.371.678.737 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

3.3 Giao dịch với các đối tượng là người có liên quan của Công ty:

Giao dịch có giá trị từ 35% giá trị tài sản của Công ty: Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và năm 2023, Hội đồng quản trị đã xem xét và ban hành nghị quyết 02/NQ-CNNB-HĐQT ngày 20/6/2023 về đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023, Công ty thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông lớn nắm giữ 53,44% vốn điều lệ Công ty) với giá trị là 601,83 tỉ đồng.

Giao dịch có giá trị dưới 35% giá trị tài sản của Công ty: Hội đồng quản trị đã thông qua các giao dịch với các đối tượng là người có liên quan của Công ty (Nghị quyết số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023 và Nghị quyết số 15/NQ-CNNB-HĐQT ngày 12/3/2024). Chi tiết như nêu tại Phụ lục đính kèm.

3.4 Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023:

Dựa trên danh sách 03 đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị đã xem xét và lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY để kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2023 (Nghị quyết số 09/NQ-CNNB-HĐQT ngày 07/6/2023).

3.5 Ban hành Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử:

Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Chủ tịch Hội đồng quản trị đã ký ban hành quy chế Quy chế họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

3.6 Lương, thù lao của người quản lý Công ty năm 2023:

Chế độ tiền lương, thù lao của người quản lý Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương

binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Đối với người quản lý chuyên trách gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán Trưởng, tiền lương áp dụng theo hệ thống thang, bảng lương hiện hành của Công ty; đối với người quản lý không chuyên trách, thù lao thực hiện theo quyết định tại Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, trong đó: Thành viên Hội đồng quản trị là 7 triệu đồng/tháng/người và Kiểm soát viên là 3,5 triệu đồng/tháng/người.

Lương của người quản lý chuyên trách của Công ty năm 2023:

Số TT	Họ tên	Chức danh	Lương (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	643.847.132	
2	Ông Lý Thành Tài	Giám đốc	614.737.408	
3	Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Phó Giám đốc	473.718.421	
4	Bà Nguyễn Ngọc Trang	Phó Giám đốc	473.718.421	
5	Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Giám đốc	472.718.421	
6	Bà Võ Thị Cẩm Tú	Trưởng Ban kiểm soát	503.915.760	
7	Bà Vũ Thị Thùy Nga	Kế toán Trưởng	445.344.437	

Lương của người quản lý không chuyên trách của Công ty năm 2023:

Số TT	Họ tên	Chức danh	Lương (VNĐ)	Ghi chú
1	Ông Lý Thành Tài	TV. HĐQT	84.000.000	
2	Ông Bùi Thanh Giang	TV. HĐQT	84.000.000	
3	Ông Lý Bửu Nghĩa	TV. HĐQT	84.000.000	
4	Ông Lục Chánh Trường	TV. HĐQT	84.000.000	Chuyển về REE Water
5	Ông Nguyễn Anh Tuấn	TV. HĐQT	84.000.000	Chuyển về REE Water
6	Ông Võ Tấn Bảo Quang	TV. HĐQT	84.000.000	
7	Ông Nguyễn Công Thành	Kiểm soát viên	28.000.000	Miễn nhiệm 11/9/2023
8	Bà Nguyễn Ngọc Ngà	Kiểm soát viên	14.000.000	Bổ nhiệm 11/9/2023
9	Ông Nguyễn Hoàng Lam	Kiểm soát viên	42.000.000	
10	Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Kiểm soát viên	42.000.000	Chuyển về REE Water
11	Bà Phạm Thị Phương Linh	Kiểm soát viên	42.000.000	

5) Đánh giá công tác điều hành của Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty thể hiện đúng mối quan hệ công tác với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với các giao dịch mua bán với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Trong quản trị doanh nghiệp, Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành về chế độ tài chính, nghĩa vụ thuế và phí bảo hiểm. Trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Giám đốc Công ty thể hiện tốt vai trò chỉ huy; chỉ đạo tổ chức triển khai tích cực các giải pháp hoạt động sản xuất kinh doanh, các giải pháp giảm nước thất thoát, gia tăng sản lượng và doanh thu, tiết kiệm chi phí, bảo đảm hiệu quả kinh doanh theo định hướng, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra.

Ban Giám đốc có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức bộ máy, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc phù hợp với tình hình thực tiễn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Giám đốc Công ty có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Các thành viên Ban Giám đốc có năng lực công tác tốt, có chuyên môn giỏi, được tập thể người lao động tin nhiệm và thể hiện được tính thống nhất trong các quyết định thuộc các lĩnh vực chuyên môn cấp nước về mặt kinh doanh và kỹ thuật. Ban Giám đốc đã lãnh đạo điều hành Công ty thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với kết quả đạt và vượt mức mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Phương hướng phát triển và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023; những phân tích, đánh giá, dự báo tình hình về những thuận lợi, khó khăn, thách thức có thể xảy ra, ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của Công ty trong năm 2024, Hội đồng quản trị đề ra phương hướng hoạt động năm 2024 của Công ty tập trung thực hiện hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, cấp nước an toàn và tăng sản lượng: tập trung nâng cao năng lực cấp nước trên cơ sở triển khai quyết liệt việc phát triển mạng lưới cấp nước và gắn mới đồng hồ nước; duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng lượng nước cung cấp qua việc thực hiện tốt Chương trình cấp nước an toàn trên vùng phục vụ cấp nước tại Quận 4, Quận 7, huyện Nhà Bè và tiếp tục cấp nước an toàn, hiệu quả trên vùng cấp nước mở rộng tại các xã vùng hạ, Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;

Hai là giảm thất thoát nước, giảm chi phí kinh doanh và tăng trưởng doanh thu: tiếp tục triển khai các giải pháp tiết kiệm chi phí kinh doanh; triển khai các

giải pháp chuyên sâu về giảm nước thất thoát thất thu, nhằm thực hiện được mục tiêu giảm bền vững thất thoát nước theo lộ trình của Công ty đã đề ra, tiệm cận đến tỉ lệ thất thoát nước kinh tế; kiểm soát tốt các chỉ tiêu kinh doanh (chỉ số nước, giá biểu, định mức nước) để tăng giá bán bình quân, doanh thu, lợi nhuận;

Ba là, nâng cao chất lượng làm việc và trình độ quản trị doanh nghiệp: tiếp thực triển khai các giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng mức ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng tiện lợi hơn cho khách hàng; nâng cao năng lực của cán bộ về mặt chỉ huy và tham mưu giỏi trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng trưởng so với năm 2023 (%)
A. SẢN XUẤT - KINH DOANH				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	Ngàn m ³	72.669	73.700	+1,42
2. Doanh thu tiền nước	Tỉ đồng	881,950	898,908	+1,92
3. Tỉ lệ thất thoát nước	%	12,24	12,5	+0,26
4. Tỉ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	0
B. TÀI CHÍNH				
1. Tổng doanh thu	Tỉ đồng	894,057	905,908	+1,32
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	32,958	33,565	+1,84
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỉ đồng	25,326	25,916	+2,33

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV. HĐQT Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Lưu VT, HS.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



The stamp is red and circular, containing the text: "CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHA TRANG" around the perimeter and "M.Đ.Đ. 03047892" in the center. A black signature is written over the stamp.

Lê Trọng Hiếu

Phụ lục

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI ĐỐI TƯỢNG LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 08/11/BC-CNNB-TCHC ngày 14/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 4106000102, ngày cấp 26/07/2005, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 và số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023; giá trị GD 601,83 tỉ đồng
2	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 4106000102, ngày cấp 26/07/2005, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM	07/3/2023; 11/10/2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Chuyển nhượng 2.000 đồng hồ nước 15ly; giá trị GD 1.498,13 triệu đồng
3	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 4106000102, ngày cấp 26/07/2005, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai; giá trị GD 278,85 triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
4	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 4106000102, ngày cấp 26/07/2005, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Hợp tác truyền thông, giá trị 158,49 triệu đồng
5	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Số 4106000102, ngày cấp 26/07/2005, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Đào tạo tay nghề cho người lao động, giá trị 12,8 triệu đồng
6	Công ty cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Số 0304772551, ngày cấp 26/07/2005, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	C12 ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, TpHCM	08/02/2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Kiểm tra, sửa chữa đồng hồ nước cơ khí; giá trị 140,80 triệu đồng
7	Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng cấp nước	Công ty liên kết của Công ty mẹ	Số 0304796129, ngày cấp 12/01/2007, nơi cấp: Sở KHĐT Tp.HCM	54A Trần Bình Trọng, Phường 5, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: giá trị 159,46 triệu đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
8	Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức	Công ty con thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 0304803610, ngày 18/01/2007, tại Sở KHĐT TP.HCM	Số 8 Không Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai: giá trị GD 120,94 triệu đồng
9	Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành	Công ty con thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 0304789925, ngày 08/05/2012, tại Sở KHĐT TP.HCM	194 Pasteur, phường 6, Quận 3, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai: giá trị GD 0,69 triệu đồng
10	Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	Công ty con thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 0304797806, ngày 16/01/2007, tại Sở KHĐT TP.HCM	97 Phạm Hữu Chí, phường 12, quận 5, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai: giá trị GD 85,44 triệu đồng
11	Công ty cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	Công ty con thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 0304796249, ngày 09/08/2013, tại Sở KHĐT TP.HCM	86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai: giá trị GD 22 triệu đồng



STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
12	Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định	Công ty con thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 0304806225, ngày 17/01/2007, tại Sở KHĐT TP.HCM	2Bis Nơ Trang Long, phường 14, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai: giá trị GD 27,59 triệu đồng
13	Công ty cổ phần Cấp nước Trung An	Công ty con thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Số 0310350082, ngày 13/01/2015, tại Sở KHĐT TP.HCM	Số 5 Đường số 9, Phường 9, quận Gò Vấp, Tp.HCM	Năm 2023	NQ số 06/NQ-CNNB-HĐQT ngày 01/3/2023	Cung cấp nước uống đóng chai: giá trị GD 31,71 triệu đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0813/TTr-CNNB-HĐQT**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Trên cơ sở kế hoạch tài chính năm 2024 của Công ty,

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chế độ tiền lương và mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên Công ty năm 2024 như sau:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo Hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.
2. Thù lao của các thành viên không chuyên trách là:
 - a) Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
 - b) Kiểm soát viên : 3.500.000 đồng/người/tháng

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGĐ;
- Lưu VT, HS.HĐQT.



Lê Trọng Hiếu

Số: 0814/TTr-CNNB-BKS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc xem xét và lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế Quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Xem xét các tiêu chí phổ biến để lựa chọn đơn vị kiểm độc lập; gồm ⁽ⁱ⁾ là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đủ điều kiện thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định; ⁽ⁱⁱ⁾ đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, đủ tiêu chuẩn, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính; ⁽ⁱⁱⁱ⁾ mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

Ban Kiểm soát đề nghị Danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập có thể lựa chọn thực hiện việc kiểm toán các Báo cáo tài chính Công ty cho năm 2024 là:

1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Tầng 02 Tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY – Chi nhánh TP.HCM – Lầu 5, 146 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận I, Tp. Hồ Chí Minh.
3. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) – Lầu 3 Tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty, căn cứ vào các tiêu chí nêu trên và quy định pháp luật có liên quan để lựa chọn một (01) trong ba (03) đơn vị kiểm toán trong danh sách đơn vị kiểm toán được Ban Kiểm soát đề xuất để thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính và các mục đích kiểm toán khác (nếu có) cho năm tài chính 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HS BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Võ Thị Cẩm Tú



Số: **0815/TTr-CNNB-HĐQT** Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc báo cáo việc thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023;
trình tiếp tục ủy quyền thương thảo, quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch
phát sinh cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

Căn cứ Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè, về quyền của Đại hội đồng cổ đông trong việc “Quyết định các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp giữa Công ty hoặc các đơn vị trực thuộc của Công ty với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp”;

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 02/NQ-CNNB-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã “...; tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty phát sinh cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024”;

Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét, và thông qua Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV với đơn giá mua bán sỉ nước sạch như sau:

1. Đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2023

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Công ty là 7.106,15 đồng/m³.

- Đơn giá mua bán sỉ đối với lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty bằng 70% giá bán bình quân tại đồng hồ tổng đo đếm lượng nước khai thác trên tài sản (tuyến ống) của Tổng Công ty.

Với đơn giá mua bán sỉ nước sạch như trên, giá trị của Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 là 601,83 tỉ đồng.

2. Đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024

Hội đồng quản trị đã thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch (áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024) bằng đơn giá năm 2023 như nêu trên (Nghị quyết số 15/NQ-CNNB-HĐQT ngày 11/3/2024). Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Để thuận tiện cho việc tổ chức quản lý và điều hành trong sản xuất kinh doanh, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định các vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV từ nay cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (nếu có phát sinh).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGD;
- Lưu VT, HS.HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Hiếu



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số **0959**/TTr-CNNB-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Hội đồng quản trị Công ty nhận được Công văn số 60/TCT-HĐTV ngày 26/3/2024 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông nắm giữ 53,44% cổ phần của Công ty) về việc cử Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè. Theo đó, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV thôi cử ông Lê Trọng Hiếu làm Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè và cử ông Huỳnh Hảo Tài làm Người đại diện vốn đồng thời ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty, thay thế cho ông Lê Trọng Hiếu.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lê Trọng Hiếu kể từ kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
2. Bầu bổ sung một (01) thành viên Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ là 5 năm (2024 - 2029) để thay thế cho thành viên được miễn nhiệm nêu trên.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- BKS;
- BGĐ;
- Lưu VT, HS.HĐQT.



Lê Trọng Hiếu



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUY CHẾ

Tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

I. CĂN CỨ

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

II. MỤC TIÊU

- Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ, đúng quy định;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

III. NỘI DUNG QUY CHẾ

1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Số lượng thành viên HĐQT cần bổ sung: **01 người**
- Nhiệm kỳ: 2024 - 2029
- Điều kiện đề cử, ứng cử thành viên HĐQT:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;



- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

- d. Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;
 - Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

IV. HỒ SƠ THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

1. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT bao gồm:

- Văn bản đề cử/ứng cử (mẫu đính kèm);
- Bản cung cấp thông tin do ứng cử viên tự khai (theo mẫu đính kèm);
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);
- Bản sao y: CMND/CCCD/Hộ chiếu, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

2. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vui lòng gửi về Ban tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 17/4/2024 theo địa chỉ sau đây:

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè

- Địa chỉ: 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
- Điện thoại: 1900 1210 Email: nbw.tchc@gmail.com

V. LỰA CHỌN CÁC ỨNG CỬ VIÊN

Dựa trên các Đơn đề cử/ứng cử của các cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ chọn các ứng cử viên HĐQT đáp ứng đủ các tiêu chuẩn được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử này để trình Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Hiếu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

....., ngày ... tháng ... năm 2024

**ĐƠN ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/nhóm cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè sở hữu cổ phần, tương ứng với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách đính kèm) tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ngày 18/3/2024).

Sau khi tham khảo Điều lệ Công ty, quy định về tham gia đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè, Tôi/Chúng tôi đề cử/ứng cử ứng viên tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè nhiệm kỳ 2024 - 2029 như sau:

Người được đề cử/ Người ứng cử:

Họ và tên:

CMND/ CCCD/ Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Tôi/Chúng tôi cam kết ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện để trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Công ty theo quy định.

Tôi/Chúng tôi cam kết đáp ứng đủ điều kiện đề cử/ ứng cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử/ ứng cử này. Đồng thời, chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử):

Ông/ bà:

CMND/CCCD/ Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Làm đại diện nhóm để tham gia thực hiện các thủ tục đề cử/ ứng cử thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo đúng quy định tại Điều lệ công ty của Công ty.

Cam kết của ứng viên:

Tôi xin cam đoan các thông tin cá nhân công bố trong Sơ yếu lý lịch đính kèm là trung thực, chính xác đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện về thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty, tôi cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Trân trọng cảm ơn.

Người được đề cử
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cổ đông/Đại diện nhóm cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

.....

.....

Đính kèm:

- Bản cung cấp thông tin của ứng cử viên;
- Bản sao y hợp lệ CMND/ CCCD/ Hộ chiếu của ứng cử viên;
- Bản sao y hợp lệ Bằng cấp, văn bằng chứng chỉ liên quan chứng minh trình độ chuyên môn của ứng viên.
- Danh sách cổ đông đề cử (nếu có)

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN/ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ, NHIỆM KỲ 2024 - 2029**

(Đối với ứng cử viên:

và cử ông làm đại diện nhóm)

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ĐKDN	Số lượng cổ phần NBW sở hữu (*)	Chữ ký và đóng dấu (**)
01		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:		
02		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:		
03		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:		
04		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:		
...		Số: Ngày cấp: Nơi cấp:		

Ghi chú:

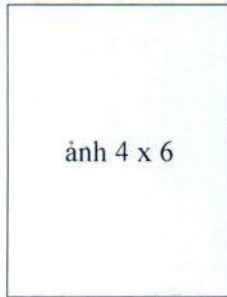
(*): Số lượng cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè mà cổ đông nắm giữ tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (ngày 18/3/2024).

(**): Đóng dấu đối với cổ đông tổ chức.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ... năm 20...

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN



1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Nơi sinh:
5. Số CMND/CCCD:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:
6. Quốc tịch: 7. Dân tộc:.....
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại:
- 10.Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

13. Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè
14. Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:
15. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
16. Số cổ phần nắm giữ: ... cổ phần, chiếm ...% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện ... (nêu tên cá nhân/tổ chức nếu có): ... cổ phần, chiếm ... vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: ... cổ phần, chiếm ... vốn điều lệ
17. Các cam kết nắm giữ (nếu có):
18. Danh sách người có liên quan của người khai: (đính kèm)
19. Lợi ích liên quan đối với Công ty (nếu có):
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI KÊ KHAI

STT	Mã CK	Họ và tên	TK chứng khoán	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục (14) và (15))	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	NBW	Nguyễn Văn A		TV.HDQT		CCCD							22/4/2024		Bỏ nhiệm	
1.1		Nguyễn Văn B			Cha ruột	CMND							22/4/2024			
1.2		Trần Thị C			Mẹ ruột	CCCD							22/4/2024			
		...			Cha vợ								22/4/2024			
					Mẹ vợ								22/4/2024			
					Vợ	CMND							22/4/2024			
					Con								22/4/2024			
					Anh ruột								22/4/2024			
					Em ruột	CMND							22/4/2024			
					Em dâu	CMND							22/4/2024			
					Em rể	CCCD							22/4/2024			

STT	Mã CK	Họ và tên	TK chứng khoán	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CMND/ Hộ chiếu/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục (14) và (15))	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
					Em vợ	CCCD							22/4/2024			
		Công ty A				ĐKKD							22/4/2024			
		Công ty ...				ĐKKD							22/4/2024			

NGƯỜI KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2024

**THẺ LỆ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè tiến hành bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) nhiệm kỳ 2024 - 2029 theo các quy định như sau:

1. Nguyên tắc bầu cử:

- Đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và bảo đảm quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Thực hiện bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày 18/3/2024.

3. Số lượng và nhiệm kỳ của thành viên HDQT:

- Số lượng thành viên HDQT cần bầu bổ sung: 01 thành viên
- Nhiệm kỳ của thành viên HDQT bầu bổ sung: nhiệm kỳ 2024 - 2029

4. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HDQT được hình thành theo nguyên tắc sau: Dựa trên Hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông để lựa chọn các ứng cử viên HDQT đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HDQT, Điều lệ Công ty. Danh sách ứng cử viên phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.



- Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số Phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (bao gồm cổ phần do chính mình sở hữu và cổ phần được ủy quyền sở hữu) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị.

Cụ thể:

Tổng số Phiếu bầu của mỗi cổ đông = Tổng số cổ phần sở hữu của cổ đông x 1

- Cổ đông chỉ được lựa chọn **tối đa 01 ứng viên** trong số các ứng cử viên HĐQT.

5. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử

5.1 Phiếu biểu quyết:

a. Hình thức Phiếu biểu quyết:

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền được phát một Phiếu biểu quyết bầu thành viên HĐQT.
- Phiếu biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được in trên giấy màu xanh có đóng dấu treo của Công ty.

b. Nội dung Phiếu biểu quyết gồm:

- Họ tên cổ đông, Mã số tham dự, Tổng số cổ phần, Tổng số Phiếu bầu tối đa, Số thành viên HĐQT được bầu bổ sung.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT, Số phiếu bầu.
- Một số lưu ý khi bầu cử.
- Phân chữ ký và họ tên của cổ đông/người được ủy quyền.

5.2 Cách thức ghi Phiếu biểu quyết:

- Cổ đông được chọn 1 trong 2 cách sau để ghi Phiếu biểu quyết:
 - **Cách 1:** Cổ đông ghi rõ số phiếu bầu cho ứng cử viên mà mình lựa chọn vào ô tương ứng của Phiếu biểu quyết tại dòng tương ứng với tên của ứng cử viên đó.
 - **Cách 2:** Trường hợp cổ đông muốn dồn toàn bộ số phiếu bầu hoặc chia đều số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên mà mình lựa chọn thì chỉ cần đánh dấu chéo (x) hoặc dấu tích (✓) vào ô tương ứng của Phiếu biểu quyết tại dòng tương ứng với tên của ứng cử viên đó.
- Cổ đông chỉ được lựa chọn **tối đa 1 ứng viên** trong số các ứng cử viên.
- Nếu không lựa chọn ứng cử viên nào, cổ đông gạch lên cả họ và tên của ứng cử viên đó.
- Trong mọi trường hợp tên ứng viên bị gạch bỏ và đồng thời có đánh dấu (x, ✓) hoặc có ghi số phiếu bầu thì đều xem là cổ đông không bầu cho ứng cử viên này.

- Trường hợp cổ đông có sự nhầm lẫn khi ghi Phiếu biểu quyết và chưa bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được đổi lại Phiếu biểu quyết.

5.3 Phiếu biểu quyết hợp lệ:

Là các Phiếu biểu quyết theo mẫu in sẵn do Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè phát hành, có đóng dấu treo của Công ty, không được tẩy xóa, cạo sửa và có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền.

5.4 Các trường hợp Phiếu biểu quyết không hợp lệ (không được tính vào kết quả bầu cử):

- Phiếu không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông đó;
- Phiếu biểu quyết vượt quá số lượng thành viên HĐQT cần bầu theo quy định;
- Phiếu vừa sử dụng cách ghi phiếu thứ 1 cho một ứng cử viên và cách ghi phiếu thứ 2 cho một ứng cử viên khác trên cùng một Phiếu biểu quyết;
- Phiếu bị rách, gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên người khác vào danh sách ứng cử viên hoặc ghi thêm những thông tin, ký hiệu khác;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền;
- Số lượng phiếu bầu cho ứng cử viên ghi bằng tỉ lệ % hoặc hệ số, ghi số phiếu bầu là số không phải số nguyên dương.
- Phiếu biểu quyết nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc bỏ phiếu đã kết thúc.

5.5 Trường hợp xem là không tham gia bầu cử:

Các cổ đông có tham dự đại hội mà không bỏ Phiếu biểu quyết thì số Phiếu biểu quyết của cổ đông đó được xem là không tham gia bầu cử.

5.6 Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua (thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT), có trách nhiệm:

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Thể lệ bầu cử;
- Hướng dẫn cách thức bầu cử và tổ chức bầu cử;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;

- Các cổ đông công khai bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu hoặc giao cho Ban kiểm phiếu;
- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

6. Nguyên tắc trúng cử HĐQT:

- 6.1. Người trúng cử HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.
- 6.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên có cùng số phiếu bầu mà cần phải loại bớt để đạt đủ số lượng thành viên cần bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn và khi đó người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Trường hợp sau khi bầu lại mà số phiếu bầu vẫn bằng nhau thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu hoặc đại diện cho số cổ phần trong Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè cao hơn. Nếu các ứng viên này có số lượng cổ phần sở hữu ngang nhau thì dựa trên các tiêu chí khác như: trình độ chuyên môn, thành tích, thâm niên công tác, ... để lựa chọn.

7. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp.

8. Hiệu lực thi hành

- Thể lệ bầu cử này được công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỉ lệ từ 65% tổng số cổ phần biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thể lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lê Trọng Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

PHIẾU BIỂU QUYẾT
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2024 - 2029

Tên cổ đông:...

Số ĐKSH:...

Số cổ phần biểu quyết: ... cổ phần

Số thành viên HĐQT được bầu: 1 thành viên

Tổng số phiếu bầu tối đa: ... phiếu

Họ tên ứng viên	Số phiếu bầu
Huỳnh Hảo Tài	

Lưu ý:

- Nếu không bầu cho ứng viên thì gạch lên cả họ tên ứng viên.
- Trường hợp ghi sai phiếu bầu trước khi bỏ phiếu thì vui lòng liên hệ Ban kiểm phiếu để đổi lại phiếu bầu khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI BIỂU QUYẾT

(ký ghi rõ họ tên)

Số đăng ký sở hữu : xxx

Tên cổ đông : Nguyễn Văn A



NBW001



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết:
500

Sở hữu: 400 cổ phần

Được ủy quyền: 100 cổ phần



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-CNNB-ĐHĐCĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè**

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;

Căn cứ kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2024 diễn ra vào ngày 22/4/2024 tại trụ sở Công ty, gồm các nội dung sau:

(¹) Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2023; phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, (²) Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán, (³) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024, (⁴) Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024, (⁵) Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, (⁶) Trình chế độ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024, (⁷) Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và trình tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch cho đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, (⁸) Trình xem xét và lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty, (⁹) Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024, theo Báo cáo số 810/BC-CNNB-KHVTTH ngày 14/3/2024 của Giám đốc Công ty, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2023 như sau: Sản lượng nước là 72.699 ngàn m³, đạt 100,23% kế hoạch; tổng doanh thu 894,057 tỉ đồng, đạt 102,38% kế hoạch; lợi nhuận trước thuế là 32,958 tỉ đồng, đạt 118,13% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là 25,326 tỉ đồng, đạt 115,01% kế hoạch.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tăng trưởng so với năm 2023 (%)
A. SẢN XUẤT - KINH DOANH				
1. Sản lượng nước tiêu thụ	Ngàn m ³	72.669	73.700	+1,42
2. Doanh thu tiền nước	Tỉ đồng	881,950	898,908	+1,92
3. Tỉ lệ thất thoát nước	%	12,24	12,5	+0,26
4. Tỉ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	0
B. TÀI CHÍNH				
1. Tổng doanh thu	Tỉ đồng	894,057	905,908	+1,32
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	32,958	33,565	+1,84
3. Lợi nhuận sau thuế	Tỉ đồng	25,326	25,916	+2,33

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty (đã kiểm toán).

Điều 4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024, theo Báo cáo số 811/BC-CNNB-HĐQT ngày 14/3/2024 của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024, theo Báo cáo số .../BC-CNNB-BKS ngày 27/3/2024 của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Khoản mục	Số tiền (đồng)	Tỉ lệ phân phối (%)
Lợi nhuận sau thuế để lại của năm trước		
Lợi nhuận sau thuế năm 2023		
Tổng lợi nhuận phân phối năm 2023		
1. Chia cổ tức ...% vốn điều lệ		
2. Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp		
3. Quỹ khen thưởng người lao động		

Điều 7. Thông qua chế độ tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

1) Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách được hưởng lương và các lợi ích khác theo hệ thống thang - bảng lương và thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

2) Thù lao của các thành viên không chuyên trách: Thành viên Hội đồng quản trị là 7.000.000 đồng/người/tháng; Kiểm soát viên là 3.500.000 đồng/người/tháng.

Điều 8. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn 01 trong 03 công ty kiểm toán được Ban kiểm soát đề xuất tại Tờ trình số 814/TTr-CNNB-BKS ngày 14/3/2024 để thực hiện soát xét, kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2024, là một trong các đơn vị sau:

1) Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Tầng 2 tòa nhà Indochina, Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

2) Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Lầu 5, Số 146 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

3) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) - Lầu 3 tòa nhà Galaxy 9, Số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp sau khi Nghị quyết này được ban hành mà các đơn vị nêu trên không còn được kiểm toán theo quy định pháp luật thì Ban kiểm soát đề xuất đơn vị kiểm toán khác để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

Điều 9. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2024 (hiệu lực đến ngày 22/4/2024); tiếp tục ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương thảo và quyết định Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch của Công ty phát sinh hiệu lực cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Điều 10. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách Thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Lê Trọng Hiếu;

Điều 11. Thông qua kết quả bầu bổ sung ông /bà ... (ngày sinh: ...; CCCD số: ...; ngày cấp: ...) làm thành viên Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ là 5 năm (2024 - 2029).

Hội đồng quản trị đã họp và bầu ông /bà ... giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, thay thế ông Lê Trọng Hiếu kể từ ngày 22/4/2024.

Điều 12. Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và Giám đốc Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo quy định.

Nơi nhận:

- TV. HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Giám đốc Cty;
- Lưu HS.HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**